

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~7570~~/BKHĐT-GSTĐĐT

V/v xin ý kiến dự thảo Thông tư quy định về mẫu báo cáo GSDG đầu tư, chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về GSDG đầu tư đối với chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2022

Kính gửi:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tập đoàn kinh tế nhà nước, các Tổng công ty 91.

Thực hiện quy định tại điểm d khoản 2 Điều 101 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng **dự thảo Thông tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư, chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư đối với chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước** (thay thế Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư và Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước).

Để có cơ sở hoàn thiện, ban hành Thông tư nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu, góp ý kiến cho dự thảo Thông tư (*toàn văn dự thảo Thông tư được đăng tải trên website của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại địa chỉ www.mpi.gov.vn và gửi kèm văn bản này*), gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư bằng đường văn bản và qua thư điện tử địa chỉ: vugstddt@mpi.gov.vn trước ngày 18/11/2022 để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan. **I**

Nơi nhận:

- Như trên (kèm dự thảo Thông tư);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (kèm dự thảo Thông tư để đăng tải trên Cổng TTĐTCP);
- Các đơn vị thuộc Bộ (kèm dự thảo Thông tư để góp ý, TTTH đăng tải trên Cổng TTĐT của Bộ);
- Thành viên Tổ biên tập (kèm dự thảo Thông tư để góp ý);
- Lưu: VT, GSTĐĐT (VTD).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư, chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư đối với chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư và Giám đốc Trung tâm Tin học;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư, chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết về:

1. Mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư (trừ các dự án đầu tư ra nước ngoài).

Các dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, thực hiện các mẫu báo cáo theo thông tư này; những vấn đề khác biệt do đặc thù của việc sử dụng nguồn vốn này, thực hiện theo quy định của pháp luật về sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

2. Chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư, giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ tại địa chỉ (<https://dautucong.mpi.gov.vn>) để thực hiện giám sát, đánh giá chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư đối với chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Thông tư này là các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc lập báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư” đối với chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là Hệ thống) là hệ thống để cập nhật, lưu trữ thông tin, giám sát, đánh giá, phân tích, công khai thông tin theo quy định về các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước trên toàn quốc. Hệ thống bao gồm các thành phần:

a) Cổng thông tin quốc gia về giám sát, đánh giá đầu tư là trang thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư nhằm công khai minh bạch thông tin đầu tư sử dụng vốn nhà nước theo quy định tại Điều 14 Luật Đầu tư công;

b) Hệ thống thông tin nghiệp vụ là Hệ thống để các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư sử dụng vốn nhà nước sử dụng tài khoản do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp thực hiện các nghiệp vụ theo quy định;

c) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: hệ thống mạng, máy chủ, bảo mật, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng.

2. Chữ ký số chuyên dùng trong Hệ thống thông tin nghiệp vụ: là chữ ký số được ký bởi chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng phục vụ các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội cấp.

3. Hệ thống đăng ký tài khoản là Hệ thống để các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư sử dụng vốn nhà nước đăng ký tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin nghiệp vụ, được tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác thực thông tin cá nhân đăng ký tài khoản.

4. Số liệu giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư: là số liệu theo 06 phụ biểu Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương II

MẪU BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

Điều 4. Mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư

1. Mẫu báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư cả năm:

Mẫu số 01: Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư cả năm.

2. Mẫu báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư công, bao gồm:

a) Mẫu số 02: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn thực hiện đầu tư (6 tháng, cả năm);

b) Mẫu số 03: Báo cáo giám sát, đánh giá khi điều chỉnh dự án đầu tư;

c) Mẫu số 04: Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc đầu tư;

d) Mẫu số 05: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn khai thác, vận hành (6 tháng, cả năm);

đ) Mẫu số 06: Báo cáo tổng hợp công tác giám sát, đánh giá các chương trình, dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý trong năm.

2. Mẫu báo cáo giám sát, đánh giá dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, bao gồm:

a) Mẫu số 07: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn thực hiện đầu tư (6 tháng, cả năm);

b) Mẫu số 08: Báo cáo giám sát, đánh giá khi điều chỉnh dự án đầu tư;

c) Mẫu số 09: Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc đầu tư;

d) Mẫu số 10: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn khai thác, vận hành (6 tháng, cả năm).

đ) Mẫu số 11: Báo cáo tổng hợp công tác giám sát, đánh giá các chương trình, dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý trong năm.

3. Mẫu báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, bao gồm:

a) Mẫu số 12: Báo cáo giám sát, đánh giá tình hình thực hiện dự án đầu tư (6 tháng, cả năm);

b) Báo cáo giám sát, đánh giá khi điều chỉnh dự án đầu tư (Thực hiện theo Mẫu số 03: Báo cáo giám sát, đánh giá khi điều chỉnh dự án đầu tư công);

c) Mẫu số 13: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn khai thác, vận hành (6 tháng, cả năm).

4. Mẫu báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác, bao gồm:

a) Mẫu số 14: Báo cáo giám sát, đánh giá tình hình thực hiện dự án đầu tư (6 tháng, cả năm);

b) Mẫu số 15: Báo cáo giám sát, đánh giá khi điều chỉnh dự án đầu tư;

c) Mẫu số 16: Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi khai thác, vận hành (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư);

d) Mẫu số 17: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn khai thác, vận hành (6 tháng, cả năm).

5. Mẫu báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng:

Mẫu số 18: Báo cáo giám sát định kỳ của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng (6 tháng, cả năm).

6. Đối với các dự án có sử dụng nhiều nguồn vốn, trong đó có nguồn vốn nhà nước các mẫu biểu và chế độ báo cáo thực hiện theo quy định đối với dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công. Riêng các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, thực hiện các mẫu biểu theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

7. Trong các mẫu trên đây, những chữ in nghiêng là các nội dung mang tính hướng dẫn và sẽ được người sử dụng cụ thể hóa căn cứ vào tình hình thực tế.

Chương III

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TRỰC TUYẾN VÀ QUẢN LÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN VỀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 5. Quy định về cập nhật thông tin, báo cáo của chủ đầu tư, chủ dự án thành phần

1. Khi chương trình, dự án được quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư: Cập nhật thông tin chương trình, dự án theo Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư vào Hệ thống thông tin nghiệp vụ trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày được quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư.

2. Trong quá trình thực hiện:

a) Các thông tin sau phải được cập nhật chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ khi có điều chỉnh hoặc phát sinh:

- Phê duyệt điều chỉnh chương trình, dự án;
- Phê duyệt, điều chỉnh thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công và dự toán;
- Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch, kết quả lựa chọn nhà thầu;

- Hợp đồng, điều chỉnh hợp đồng;
- Kế hoạch vốn được cấp;
- Giá trị nghiệm thu, giá trị giải ngân;
- Thông tin về đánh giá, kiểm tra.

b) Các thông tin phải cập nhật định kỳ hằng tháng (nếu có phát sinh):

- Khối lượng thực hiện tại hiện trường;
- Thông tin hình ảnh hoặc phim về hiện trạng thi công tại hiện trường đối với các dự án có cấu phần xây dựng.

3. Khi kết thúc chương trình, dự án: thực hiện cập nhật thông tin quyết toán dự án theo Quyết định phê duyệt quyết toán trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt quyết toán.

4. Thực hiện đăng tải các văn bản sau trên Hệ thống trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành, phát hành (văn bản đăng tải trên Hệ thống phải được quét màu văn bản gốc hoặc là văn bản điện tử có chữ ký số chuyên dùng), bao gồm:

- a) Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư;
- b) Quyết định đầu tư, Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có);
- c) Điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA và vốn vay ưu đãi được ký kết đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;
- d) Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; Quyết định điều chỉnh thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, dự toán (nếu có);
- đ) Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có);
- e) Báo cáo kết quả đánh giá chương trình, dự án (nếu có);
- g) Báo cáo kết quả theo dõi, kiểm tra;
- h) Báo cáo giám sát, đánh giá dự án theo quy định tại Khoản 5 Điều này;
- i) Quyết định phê duyệt quyết toán;
- m) Báo cáo kết quả kiểm toán của dự án (nếu có);
- l) Các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán kế hoạch, dự án đầu tư công (nếu có).

Ngoài những thông tin, báo cáo do chủ đầu tư, chủ dự án thành phần phải cập nhật theo quy định nói trên, khuyến khích các chủ đầu tư, chủ dự án thành phần cập nhật đầy đủ các văn bản theo các chức năng của Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

5. Định kỳ 6 tháng, cả năm tổng hợp thông tin trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ từ các hợp đồng của dự án thuộc phạm vi quản lý thành báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư của chủ đầu tư, chủ dự án thành phần theo Phụ biểu 07, Mẫu số 02, Thông tư này, sau đó đăng tải báo cáo có đóng dấu hoặc có chữ ký số chuyên dùng lên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

Thời hạn báo cáo theo quy định tại điểm a Khoản 11 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư (viết tắt là Nghị định số 29/2021/NĐ-CP).

6. Định kỳ hằng năm báo cáo số liệu giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ theo quy trình như sau:

- a) Tổng hợp thông tin từ các chương trình, dự án thuộc phạm vi quản lý đã có trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ;
- b) Rà soát, bổ sung thông tin báo cáo;
- c) Gửi báo cáo số liệu.

Thời hạn báo cáo theo quy định tại điểm a Khoản 11 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP.

7. Việc cập nhật thông tin, báo cáo trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này thay thế cho việc báo cáo giấy định kỳ của chủ chương trình, chủ đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP và Thông tư này.

8. Chủ đầu tư, chủ dự án thành phần không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư này sẽ vi phạm và bị xử lý theo quy định tại Điều 103 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP.

Điều 6. Quy định về báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Tập đoàn kinh tế nhà nước và Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước

1. Định kỳ hằng năm báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ, bao gồm:

- a) Số liệu giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư;
 - Tổng hợp thông tin từ số liệu giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ của các chủ đầu tư, chủ dự án thành phần trong phạm vi quản lý hoặc từ các cơ quan quản lý cấp dưới;
 - Rà soát, bổ sung thông tin báo cáo;
 - Gửi báo cáo số liệu.

b) Các nội dung đánh giá chương trình, dự án: lập theo Mẫu số 01 Thông tư này (trừ các phụ biểu 01, 02, 03, 04, 05, 06 đã được cập nhật số liệu trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ) và đăng tải báo cáo này vào Hệ thống thông tin nghiệp vụ. Khi báo cáo đăng tải đã được xác thực bằng chữ ký số chuyên dùng

thì không phải gửi thêm báo cáo giấy cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP và Thông tư này.

c) Thời hạn báo cáo theo quy định tại điểm c Khoản 11 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP.

2. Sau khi Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương được phê duyệt, đăng tải toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng chương trình, dự án đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

Điều 7. Quản lý tài khoản sử dụng

1. Đăng ký tài khoản

a) Trường hợp đã được cấp chứng thư số chuyên dùng:

Đăng ký trực tuyến tại địa chỉ <https://taikhoan.mpi.gov.vn>

b) Trường hợp chưa được cấp chứng thư số chuyên dùng:

Truy cập vào địa chỉ <https://taikhoan.mpi.gov.vn>, khai báo các thông tin liên quan của chủ chương trình, chủ dự án, sau đó thực hiện một trong hai cách sau:

Cách 1: Liên hệ với cơ quan chủ quản để cơ quan chủ quản sử dụng tài khoản đã được cấp để xác nhận thông tin đăng ký.

Cách 2: In Phiếu đăng ký tài khoản sau khi khai báo thông tin, lấy xác nhận của lãnh đạo đơn vị (ký tên, đóng dấu) và gửi bản quét màu Phiếu đăng ký về email dautucong@mpi.gov.vn.

2. Cấp tài khoản

a) Đối với các tài khoản đăng ký theo điểm a Khoản 1 Điều này: Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cấp tài khoản trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành việc đăng ký.

b) Đối với các tài khoản đăng ký theo Cách 1 điểm b Khoản 1 Điều này: Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cấp tài khoản trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi đơn vị chủ quản xác nhận thông tin đăng ký.

c) Đối với các tài khoản đăng ký theo Cách 2 điểm b Khoản 1 Điều này: Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cấp tài khoản trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được email gửi Phiếu đăng ký.

d) Tài khoản cấp mới được gửi qua thư điện tử hoặc số điện thoại di động đã khai báo.

đ) Trong trường hợp người sử dụng có yêu cầu cấp lại mật khẩu, thông tin đã khai báo sẽ là cơ sở để Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp lại mật khẩu.

3. Thu hồi, khóa tài khoản

a) Tài khoản được thu hồi khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc thư điện tử có chữ ký số hoặc văn bản điện tử có chữ ký số của cơ quan chủ quản.

b) Tài khoản bị khóa ngay khi được phát hiện đang sử dụng cho mục đích phá hủy dữ liệu, tấn công, dò quét Hệ thống.

4. Yêu cầu về bảo mật tài khoản

a) Người sử dụng phải đổi mật khẩu ban đầu trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được tài khoản.

b) Không tiết lộ mật khẩu cho người khác không có trách nhiệm cập nhật trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ. Trường hợp thay đổi người sử dụng tài khoản, người tiếp nhận bàn giao tài khoản phải đổi lại mật khẩu và thay đổi thông tin người sử dụng tài khoản trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ

Điều 8. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ dự án thành phần

1. Cập nhật kịp thời, chính xác các thông tin, báo cáo theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Hằng quý, trước ngày 10 của tháng đầu quý tiếp theo (riêng quý IV là vào ngày 10 tháng 02 năm sau) phải xác nhận dữ liệu đã cập nhật trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

3. Chịu trách nhiệm về thông tin, dữ liệu đã nhập vào Hệ thống thông tin nghiệp vụ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật do báo cáo, cung cấp thông tin không chính xác về tình hình thực hiện đầu tư trong phạm vi quản lý.

4. Cử cán bộ quản lý sử dụng tài khoản. Đôn đốc, giám sát việc thực hiện yêu cầu về bảo mật tài khoản của người sử dụng tài khoản theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Thông tư này.

Điều 9. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế nhà nước và Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước

1. Xác nhận thông tin đăng ký tài khoản của cơ quan cấp dưới hoặc chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

2. Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

3. Hằng quý, trước ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo (riêng quý IV là vào ngày 15 tháng 02 năm sau) phải xác nhận dữ liệu đã cập nhật trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ của các chương trình, dự án do các chủ dự án thành phần, chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý cập nhật trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

4. Đôn đốc, giám sát việc thực hiện quy định về cập nhật thông tin, báo cáo trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ của các cơ quan cấp dưới hoặc các chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý.

5. Cử cán bộ quản lý sử dụng tài khoản. Đôn đốc, giám sát việc thực hiện yêu cầu về bảo mật tài khoản của người sử dụng tài khoản theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Thông tư này.

6. Trong phạm vi quản lý, tùy vào khả năng ứng dụng và nhu cầu sử dụng, trên cơ sở các chức năng đã có trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ, có thể:

a) Quy định chi tiết hơn việc cập nhật thông tin, báo cáo khai thác sử dụng Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

b) Quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc sử dụng Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

Điều 10. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của Bộ

a) Xây dựng, nâng cấp và quản lý, vận hành Hệ thống.

b) Quản lý tài khoản sử dụng Hệ thống thông tin nghiệp vụ trên toàn quốc.

c) Phối hợp đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc cập nhật thông tin, báo cáo trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

d) Công khai tình hình sử dụng Hệ thống thông tin nghiệp vụ theo thời gian thực; Công khai tình hình báo cáo trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ của các cơ quan và các thông tin khác theo quy định.

đ) Đào tạo, hướng dẫn việc khai thác sử dụng Hệ thống trên toàn quốc.

2. Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư

a) Định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ, bao gồm:

- Số liệu giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư: Tổng hợp thông tin từ số liệu giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ của các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế nhà nước và Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước.

- Các nội dung đánh giá chương trình, dự án: thực hiện đăng tải báo cáo có đóng dấu hoặc có chữ ký số chuyên dùng trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

b) Chủ trì đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc cập nhật thông tin, báo cáo trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư và Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý

vận hành hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời xem xét, điều chỉnh./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Kho bạc Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91;
- Website của Chính phủ; Công báo;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Ban quản lý các Khu kinh tế;
- Các đơn vị thuộc Bộ KH&ĐT;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, GS&TĐĐT.(V).

Nguyễn Chí Dũng

Mẫu số 01. Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư cả năm

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐT

.... ngày tháng năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ ĐẦU TƯ
(năm)

Kính gửi:

I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CÁC CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN:

- Nêu các văn bản hướng dẫn được ban hành trong kỳ báo cáo (*số văn bản, ngày tháng ban hành, trích yếu văn bản*).

- Đánh giá sơ bộ hiệu quả và tác động của các văn bản hướng dẫn được ban hành đối với việc quản lý đầu tư.

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH (*nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết*).

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý.

2. Việc quản lý thực hiện các quy hoạch theo quy định.

3. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ (*nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết*).

- Tổng hợp số liệu về kế hoạch vốn đầu tư trong năm;

- Tình hình thực hiện vốn đầu tư trong kỳ (*giá trị khối lượng thực hiện của tất cả các nguồn vốn*);

- Kết quả huy động và giải ngân vốn đầu tư trong kỳ;

- Tình hình nợ đọng vốn đầu tư (nếu có);

- Tình trạng lãng phí, thất thoát vốn đầu tư (nếu có).

(Kèm theo phụ biểu 01)

IV. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG

(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư.
2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt đầu tư chương trình.
3. Tình hình thực hiện các chương trình.

a) Việc quản lý thực hiện chương trình: *lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết triển khai chương trình; thực hiện và điều chỉnh kế hoạch triển khai chương trình;*

b) Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án thành phần thuộc chương trình;

c) Tình hình thực hiện chương trình: *tiến độ thực hiện các mục tiêu của chương trình; tổng hợp tình hình thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình; giá trị khối lượng thực hiện;*

d) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: *việc huy động vốn cho chương trình; giải ngân; nợ đọng vốn xây dựng cơ bản (nếu có);*

đ) Năng lực tổ chức thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình và việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư của chủ dự án thành phần;

4. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo phụ biểu 02)

V. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư.
2. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư.
3. Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán.
4. Tình hình thực hiện các dự án:

a) Việc quản lý thực hiện dự án: *lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án; tình hình thực hiện và điều chỉnh kế hoạch;*

b) Tình hình thực hiện dự án đầu tư: *tiến độ thực hiện; khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện; chất lượng công việc; các biến động trong quá trình thực hiện dự án;*

c) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: *việc huy động vốn cho dự án; giải ngân (tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán); quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý;*

d) Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của ban quản lý dự án và các nhà thầu;

đ) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;

e) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

5. Tình hình khai thác, vận hành dự án đã hoàn thành.

6. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.

VI. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NGOÀI ĐẦU TƯ CÔNG (nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư.

2. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư.

3. Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán.

4. Tình hình thực hiện các dự án:

a) Việc quản lý thực hiện dự án: *lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án; tình hình thực hiện và điều chỉnh kế hoạch;*

b) Tình hình thực hiện dự án đầu tư: *tiến độ thực hiện; khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện; chất lượng công việc; các biến động trong quá trình thực hiện dự án;*

c) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: *việc huy động vốn cho dự án; giải ngân (tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán); quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý;*

d) Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của ban quản lý dự án và các nhà thầu;

đ) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;

e) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

5. Tình hình khai thác, vận hành dự án đã hoàn thành.

6. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Mục V và mục VI kèm theo phụ biểu 03.1, 03.2, 03.3, 03.4)

VII. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

1. Tình hình xây dựng và công bố dự án.
2. Tổng hợp tình hình thực hiện việc lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán, ký kết hợp đồng dự án.
3. Tổng hợp tình hình thực hiện Hợp đồng dự án.
4. Việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư của các bên ký kết Hợp đồng dự án trong việc thực hiện Hợp đồng dự án.
5. Tình hình khai thác, vận hành, dự án.
6. Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và việc xử lý theo thẩm quyền.

(Kèm theo phụ biểu 04)

VIII. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN KHÁC *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

1. Tình hình thực hiện dự án đầu tư: tiến độ thực hiện; khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện; chất lượng công việc; các biến động trong quá trình thực hiện dự án.
2. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: việc huy động vốn cho dự án (vốn nhà nước, vốn chủ sở hữu, vốn vay); giải ngân (tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán); quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý.
3. Tình hình khai thác, vận hành dự án: kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, tình hình tài chính của doanh nghiệp và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.
4. Việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản theo quy định.
5. Việc thực hiện các nội dung quy định tại văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) và quyết định đầu tư Dự án.
6. Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.
7. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có).
8. Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện, khai thác, vận hành dự án và kết quả xử lý.

(Kèm theo phụ biểu số 05)

IX. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC (nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo.
2. Đánh giá chất lượng của các báo cáo.
3. Kết quả kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ.
 - Số dự án được kiểm tra; mức độ đạt được so với kế hoạch (kèm theo danh mục các dự án được người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước tổ chức kiểm tra);
 - Số dự án được đánh giá; mức độ đạt được so với kế hoạch (kèm theo danh mục các dự án được đánh giá theo từng loại đánh giá);
 - Các phát hiện chính sau khi kiểm tra, đánh giá các dự án.
4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ tiếp theo (kèm theo danh mục các dự án dự kiến sẽ kiểm tra, đánh giá trong kỳ).
5. Đánh giá chung về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ.
6. Kết quả xử lý sau giám sát, đánh giá đầu tư.
7. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.

X. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG (nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

1. Tình hình triển khai công tác giám sát đầu tư của cộng đồng: Công tác đào tạo, tăng cường năng lực; cơ cấu tổ chức, kinh phí hoạt động; số dự án được giám sát;...
2. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của Ủy ban MTTQ các cấp.
3. Đánh giá chất lượng của các báo cáo.
4. Các phát hiện chính của công tác giám sát đầu tư của cộng đồng:
 - a) Sự phù hợp của quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật;
 - b) Việc chấp hành các quy định của chủ đầu tư về: chỉ giới đất đai và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; tiến độ, kế hoạch đầu tư;
 - c) Những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành dự án.

d) Phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án.

đ) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình đầu tư.

5. Kết quả xử lý sau giám sát đầu tư của cộng đồng.

6. Các khó khăn vướng mắc, kiến nghị giải pháp xử lý.

(Kèm theo phụ biểu 06)

(Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng do Ban Giám sát đầu tư cộng đồng các cấp thực hiện, định kỳ hằng năm)

XI. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các đề xuất về đổi mới cơ chế, chính sách, điều hành của Chính phủ, các Bộ, ngành.

2. Các đề xuất về tổ chức thực hiện.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm	Trong đó bổ trợ trả nợ đọng XDCB	Nợ đọng XDCB còn lại	Tình hình thực hiện		Tình hình giải ngân		Thất thoát, lãng phí được phát hiện
					Giá trị	so với KH (%)	Giá trị	so với KH (%)	
	(I.2+ II.1+III.1.2)								
3	Vốn khác								
3.1	Trong nước (I.2.1+II.2.1+III.3.1+IV.1)								
3.2	Nước ngoài (I.2.2+II.2.2+III.3.2+IV.2)								

Ghi chú:

- Mục I.3: Vốn khác (nếu có) là vốn không phải vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công được sử dụng trong dự án đầu tư công.
- Mục II.2: Vốn khác (nếu có) là vốn không phải vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công được sử dụng trong dự án.
- Mục IV: Tổng hợp các dự án sử dụng các nguồn vốn khác (vốn của các nhà đầu tư trong nước, vốn đầu tư nước ngoài, ...).

Phụ biểu 02

Tổng hợp số liệu về chương trình đầu tư công (do cơ quan là chủ trương trình, chủ dự án thành phần hoặc chủ đầu tư dự án)

TT	Nội dung	Chương trình mục tiêu quốc gia	Chương trình ĐTC do Chính phủ, Thủ tướng CP quyết định CTĐT	Chương trình ĐTC do địa phương quyết định CTĐT
I	Chủ chương trình			
1	Số lượng			
2	Tổng vốn kế hoạch			
3	Giá trị thực hiện			
4	Giá trị giải ngân			
II	Chủ dự án thành phần			
1	Số lượng			
2	Tổng vốn kế hoạch			
3	Giá trị thực hiện			
4	Giá trị giải ngân			
III	Chủ đầu tư dự án thuộc các chương trình			
1	Số lượng			
2	Tổng vốn kế hoạch			
3	Giá trị thực hiện			
4	Giá trị giải ngân			

a	Số dự án đã đưa vào vận hành																		
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)																		
c	Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ																		

Ghi chú:

1. A*: dự án từ nhóm A trở lên (bao gồm dự án quan trọng Quốc gia).
2. Tổng hợp các dự án phân theo nguồn vốn: trường hợp dự án sử dụng đồng thời nhiều nguồn vốn (ODA, NSTW, NSDP, vốn ĐTC khác) thì được tính trong tất cả các cột tương ứng với nguồn vốn sử dụng. Ví dụ: dự án sử dụng cả vốn ODA và vốn NSTW (trong nước) thì dự án đó được tổng hợp ở cả cột (7) và cột (11).
3. Việc tổng hợp tổng số dự án đầu tư công trong kỳ (cột (3)) và số dự án ĐTC phân theo nguồn vốn (các cột số: (7), (11), (15), (19)) là độc lập nhau (cột (3) không phải là tổng cộng của các cột (7), (11), (15), (19)).

a	Số dự án đã đưa vào vận hành																		
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)																		
c	Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ																		

Ghi chú:

1. A*: dự án từ nhóm A trở lên (bao gồm dự án quan trọng Quốc gia).
2. Tổng hợp các dự án phân theo nguồn vốn: trường hợp dự án sử dụng đồng thời nhiều nguồn vốn nhà nước ngoài vốn ĐTC thì được tính trong tất cả các cột tương ứng với nguồn vốn sử dụng.
3. Việc tổng hợp tổng số dự án đầu tư trong kỳ (cột (3)) và số dự án phân theo nguồn vốn (các cột số: (7), (11), (15), (19)) là độc lập nhau (cột (3) không phải là tổng cộng của các cột (7), (11), (15), (19)).
4. Bổ sung thêm cột nếu có nhiều loại vốn NN ngoài vốn ĐTC khác

Phụ biểu 03.3

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM A, B, C SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC
(cả năm)**

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn (ghi rõ các nguồn vốn, nếu nguồn kết hợp cần ghi rõ tỷ lệ % theo từng nguồn)	Luỹ kế giá trị thực hiện đến hết năm báo cáo (tỷ đồng)	Luỹ kế giải ngân đến hết năm báo cáo (tỷ đồng)	Kế hoạch vốn năm sau	Tình hình thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư	Phát hiện vi phạm về thủ tục đầu tư	Phát hiện vi phạm về quản lý chất lượng	Số tiền phát hiện thất thoát, lãng phí (nếu có) (tỷ đồng)	Chậm tiến độ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I												
1												
2												
(...)												
II												
1												
2												
(...)												
III												
1												
2												
(...)												

Chú thích:

- Các mục I, II,... trong bảng lần lượt là: (I) Vốn ngân sách nhà nước (gồm: Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu; Vốn ngân sách địa phương), (II) vốn ODA; (III) vốn chương trình mục tiêu quốc gia, (IV) vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, (V) vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh, (VI) vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước, (VII) các nguồn vốn khác của Nhà nước... Mỗi nguồn vốn được chia thành danh mục các dự án thuộc nhóm A, B, C theo quy định.
- Các cột số: (9), (10), (11), (13): đánh dấu x vào ô tương ứng nếu có; cột số (12): ghi số tiền phát hiện thất thoát, lãng phí.

Phụ biểu 03.4
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA
(Cả năm)

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn (ghi rõ các nguồn vốn, nếu nguồn kết hợp cần ghi rõ tỷ lệ % theo từng nguồn)	Luỹ kế giá trị thực hiện đến hết năm báo cáo (tỷ đồng)	Luỹ kế giải ngân đến hết năm báo cáo (tỷ đồng)	Kế hoạch vốn năm sau	Tình hình thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư	Phát hiện vi phạm về thủ tục đầu tư	Phát hiện vi phạm về quản lý chất lượng	Số tiền phát hiện thất thoát, lãng phí (nếu có) (tỷ đồng)	Chậm tiến độ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA											
1												
2												
(...)												
II	DỰ ÁN PHÁT SINH TIÊU CHÍ QUAN TRỌNG QUỐC GIA											
1												
2												
(...)												

Ghi chú: Các cột số: (9), (10), (11), (13): đánh dấu x vào ô tương ứng nếu có; cột số (12): ghi số tiền phát hiện thất thoát, lãng phí.

Phụ biểu 04

Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư theo phương thức PPP trong kỳ

TT	Nội dung	Tổng số	Phân theo nhóm		
			A*	B	C
I	Chuẩn bị đầu tư				
1	Số dự án chuẩn bị đầu tư				
<i>a</i>	<i>Số dự án lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi</i>				
	- Do cơ quan có thẩm quyền lập				
	- Do nhà đầu tư đề xuất				
<i>b</i>	<i>Số dự án được quyết định chủ trương đầu tư, công bố</i>				
2	Số dự án có quyết định đầu tư				
3	Số dự án hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư				
	- Chỉ định nhà đầu tư:				
	- Đấu thầu rộng rãi:				
4	Số dự án được điều chỉnh chủ trương đầu tư				
5	Số dự án được điều chỉnh quyết định đầu tư				
6	Số dự án hoàn tất các thủ tục Hợp đồng dự án				
II	Thực hiện đầu tư				
1	Số dự án thực hiện đầu tư				
<i>a</i>	<i>Số dự án chuyển tiếp</i>				
<i>b</i>	<i>Số dự án khởi công mới</i>				
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định				
3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra (do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)				
4	Số dự án đã thực hiện đánh giá				
5	Số dự án có vi phạm quy định về thủ tục đầu tư, quản lý chất lượng được phát hiện				
6	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện (sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán)				
<i>a</i>	<i>Tổng vốn đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện</i>				
<i>b</i>	<i>Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định</i>				

TT	Nội dung	Tổng số	Phân theo nhóm		
			A*	B	C
7	Số dự án chậm tiến độ				
a	Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư				
b	Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng				
c	Số dự án chậm tiến độ do năng lực của Nhà đầu tư, nhà thầu				
d	Số dự án chậm tiến độ do nguyên nhân khác				
8	Số dự án phải điều chỉnh				
a	Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư				
b	Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư				
c	Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư				
d	Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác				
9	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau				
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng				
1	Số dự án kết thúc đầu tư				
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán				
3	Số dự án được quyết toán				
4	Tình hình khai thác vận hành				
a	Lũy kế số dự án đã đưa vào vận hành				
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật.				
c	Số dự án đã đưa vào sử dụng nhưng hiệu quả thấp hoặc không hiệu quả (nếu có)				

Phụ biểu 05

Tình hình thực hiện giám sát đầu tư các dự án sử dụng các nguồn vốn khác

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Dự án FDI			Dự án trong nước		
			(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Số dự án nộp thủ tục xin chủ trương đầu tư							
2	Số dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư							
3	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ							
4	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh trong kỳ							
5	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ							
-	Dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư							
-	Dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư							
6	Vốn đầu tư đăng ký (tỷ đồng):							
a	Lũy kế tổng vốn đăng ký đầu tư							
b	Tổng số vốn đăng ký đầu tư tăng thêm trong kỳ							
-	Dự án đăng ký mới							
-	Dự án đăng ký điều chỉnh tăng vốn đầu tư							
7	Vốn đầu tư thực hiện (tỷ đồng):							
a	Lũy kế tổng vốn đầu tư thực hiện							
b	Tổng vốn đầu tư thực hiện trong kỳ							
-	Vốn chủ sở hữu							
-	Vốn vay							
-	Vốn huy động hợp pháp khác							
8	Số dự án đã được kiểm tra, đánh giá trong kỳ							
9	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý đầu tư được phát hiện trong kỳ							
10	Số dự án có vi phạm quy định về bảo vệ môi trường được phát hiện trong kỳ							

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Dự án FDI			Dự án trong nước		
			(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
11	Số dự án có vi phạm quy định về sử dụng đất đai được phát hiện trong kỳ							
12	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý tài nguyên được phát hiện trong kỳ							
13	Số dự án phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ							
14	Số dự án đã kết thúc đầu tư trong kỳ							
15	Số dự án đưa vào khai thác vận hành trong kỳ							
a	Số dự án có lợi nhuận							
b	Tình hình nộp ngân sách (tỷ đồng)							

Ghi chú: (1): Dự án thuộc diện Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư trở lên; (2): Dự án do địa phương quyết định chủ trương; (3): Dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư.

Phụ biểu 06

Tổng hợp kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng
Tên địa phương: (xã/huyện/tỉnh)
năm

	Tổng số dự án đầu tư	Trong đó:			Ghi chú
		Dự án sử dụng vốn và công sức cộng đồng; vốn ngân sách cấp xã; vốn tài trợ trực tiếp cho xã	Dự án đầu tư công, dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công và dự án đầu tư theo hình thức PPP	Dự án sử dụng vốn khác	
1. Tổng số dự án đầu tư trên địa bàn					
2. Tổng số dự án cộng đồng đã giám sát, trong đó:					
- Đúng quy định					
- Có vi phạm					
- Chưa xác định được					
3. Số dự án cộng đồng chưa giám sát, trong đó:					
- Do các cơ quan chưa công khai thông tin					
- Do chủ đầu tư chưa công khai thông tin					
- Lý do khác					
4. Tổng số dự án cộng đồng đã phản ánh có vi phạm:					
- Đã có thông báo kết quả xử lý.					
- Chưa có thông báo kết quả xử lý					
- Chủ đầu tư đã chấp hành theo thông báo					

Mẫu số 02. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn thực hiện đầu tư đối với các dự án đầu tư công

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BCGSĐGĐT

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ
(6 tháng/năm)

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
4. Mục tiêu của dự án:
5. Qui mô, công suất:
6. Nội dung đầu tư chính/các hạng mục đầu tư chính:
7. Địa điểm dự án:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Hình thức quản lý dự án:
10. Các mốc thời gian về dự án:
 - Số, ngày phê duyệt quyết định đầu tư:
 - Thời gian thực hiện dự án:
 - + Thời gian bắt đầu:
 - + Thời gian kết thúc:
11. Tổng mức đầu tư:
12. Nguồn vốn đầu tư:

(Thông tin về dự án chỉ báo cáo 01 lần tại kỳ báo cáo đầu tiên sau khi quyết định đầu tư dự án hoặc sau khi điều chỉnh dự án có các nội dung điều chỉnh liên quan đến những thông tin về dự án nêu trên)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tình hình thực hiện dự án:

- 1.1. Tiến độ thực hiện dự án: *(Công tác lập TKKT, công tác GPMB và tái định cư, công tác đấu thầu, công tác thực hiện hợp đồng)*.
- 1.2. Giá trị khối lượng thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng:
- 1.3. Tình hình quản lý vốn và tổng hợp kết quả giải ngân:
- 1.4. Chất lượng công việc đạt được: *(Mô tả chất lượng công việc đã đạt được tương ứng với các giá trị khối lượng công việc trong từng giai đoạn đã được nghiệm thu, thanh toán)*.
- 1.5. Các chi phí khác liên quan đến dự án:
- 1.6. Các biến động liên quan đến quá trình thực hiện dự án:
2. Công tác quản lý dự án:
 - 2.1. Kế hoạch triển khai thực hiện: *(Nêu kế hoạch tổng thể từng giai đoạn công tác quản lý dự án để đạt được tiến độ yêu cầu)*
 - 2.2. Kế hoạch chi tiết các nội dung quản lý thực hiện dự án: *(Mô tả kế hoạch chi tiết của từng giai đoạn đối với thành phần công việc liên quan đến giai đoạn quản lý thực hiện dự án)*
 - 2.3. Kết quả đạt được so với kế hoạch đề ra và điều chỉnh kế hoạch thực hiện cho phù hợp với yêu cầu:
 - 2.4. Công tác đảm bảo chất lượng và hiệu lực quản lý dự án:
3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin:
 - 3.1. Việc đảm bảo thông tin báo cáo: *(Tính chính xác, trung thực của thông tin báo cáo)*
 - 3.2. Xử lý thông tin báo cáo: *(Việc xử lý các thông tin báo cáo kịp thời kể từ khi nhận được báo cáo để phản hồi kịp thời, tránh gây hậu quả bất lợi cho dự án)*.
 - 3.3. Kết quả giải quyết các vướng mắc, phát sinh: *(Nêu các kết quả đạt được thông qua quá trình đã xử lý các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án)*.

III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tình hình thực hiện dự án:
2. Công tác quản lý dự án:
3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin:

IV. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

(Kèm theo phụ biểu 07)

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03. Báo cáo giám sát, đánh giá khi điều chỉnh dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư công

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐGĐT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại phần I của mẫu số 02.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Báo cáo chi tiết về toàn bộ quá trình thực hiện dự án đến thời điểm xin điều chỉnh dự án (về khối lượng, giá trị thực hiện, giải ngân từng hạng mục đầu tư...).

III. NỘI DUNG VÀ LÝ DO ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN

- Nêu rõ các nội dung chính của việc điều chỉnh dự án, các thành phần của dự án được điều chỉnh

- Nêu rõ các lý do, nguyên nhân và trách nhiệm của các bên liên quan dẫn đến phải điều chỉnh dự án (trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án).

IV. ĐÁNH GIÁ LẠI HIỆU QUẢ DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH

V. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04. Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc đầu tư đối với các dự án đầu tư công

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐGDĐT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC ĐẦU TƯ

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại phần 1 của mẫu số 02.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Tổng kết toàn bộ quá trình thực hiện dự án: *Mô tả tóm tắt quá trình thực hiện dự án từ giai đoạn chuẩn bị thực hiện đầu tư đến kết thúc đầu tư.*

2. Tổng hợp các kết quả thực hiện đạt được của dự án:

2.1. Kết quả thực hiện các nội dung đã được phê duyệt: *Nêu rõ kết quả và mức độ đạt được các nội dung đã được phê duyệt: mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, tiến độ thực hiện, chất lượng,....*

2.2. Kết quả thực hiện về vốn đầu tư: *So sánh giữa tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư với tổng giá trị thực hiện và giải ngân thực tế; các điều chỉnh chủ yếu về tổng mức đầu tư của dự án (nếu có); các yếu tố ảnh hưởng.*

2.3. Những yếu tố tác động đến kết quả thực hiện dự án

2.4. Nêu sơ bộ về hiệu quả kinh tế xã hội so với mục tiêu của dự án

2.5. Tác động và tính bền vững của dự án: *Nêu những nhân tố tác động, đảm bảo sự bền vững và phát huy hiệu quả của dự án.*

3. Bài học rút ra từ thực tiễn tổ chức thực hiện dự án và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

III. KIẾN NGHỊ

Nêu các kiến nghị để phát huy tính hiệu quả, sự bền vững hoặc khắc phục các hạn chế của dự án.

CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn khai thác, vận hành đối với các dự án đầu tư công

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSDGĐT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TRONG GIAI ĐOẠN KHAI THÁC, VẬN HÀNH

(6 tháng/năm....)

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại phần I của mẫu số 02 và chỉ báo cáo một lần tại kỳ báo cáo đầu tiên sau khi dự án được đưa vào vận hành.

II. TÌNH HÌNH KHAI THÁC VẬN HÀNH DỰ ÁN

1. Thực trạng kinh tế - kỹ thuật, vận hành của dự án *(nêu rõ thực trạng kinh tế - kỹ thuật, vận hành của dự án và so sánh với các chỉ tiêu được phê duyệt trong giai đoạn thực hiện đầu tư).*
2. Tính bền vững; những tồn tại, khó khăn, vướng mắc của dự án *(nếu có).*
3. Tình hình sản xuất, kinh doanh *(Đối với dự án đầu tư nhằm mục đích kinh doanh):*
 - Tình hình sử dụng lao động *(số lượng, cơ cấu trình độ)* đến thời điểm báo cáo.
 - Tình hình thực hiện nghĩa vụ với người lao động *(lương, bảo hiểm, trợ cấp, phúc lợi xã hội...).*
 - Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách *(số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo, số còn phải nộp, nêu rõ nguyên nhân chưa nộp).*
 - Tình hình lợi nhuận *(số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo).*

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

CHỦ SỬ DỤNG/CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06. Báo cáo tổng hợp công tác giám sát, đánh giá các chương trình, dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý trong năm

**TÊN CHỦ CHƯƠNG
TRÌNH, CHỦ ĐẦU TƯ
DỰ ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BCGSĐGDĐT

..... ngày tháng..... năm

**BÁO CÁO TỔNG HỢP CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CÁC CHƯƠNG TRÌNH,
DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ TRONG NĂM**

Kính gửi:

I. THÔNG TIN CHUNG

Nêu rõ số lượng chương trình, dự án thuộc phạm vi quản lý trong năm, trong đó ghi rõ số liệu cụ thể của từng loại chương trình (*chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình ĐTC do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; chương trình ĐTC do địa phương quyết định chủ trương đầu tư*), nhóm dự án (*quan trọng quốc gia; nhóm A, B, C*).

II. TỔNG HỢP CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Diễn giải cụ thể 11 nội dung tại mục II Phụ biểu số 03, bao gồm:

- Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ;
- Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trong kỳ;
- Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ (*do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện*);
- Số dự án đã thực hiện đánh giá trong kỳ;
- Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ;
- Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ (*theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành*);
- Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ (*sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán*);
- Số dự án chậm tiến độ trong kỳ
- Số dự án phải điều chỉnh trong kỳ
- Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau
- Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ

2. Đánh giá công tác giám sát, đánh giá các chương trình, dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý trong năm (những mặt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân).

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn./.

CHỦ CHƯƠNG TRÌNH, CHỦ ĐẦU TƯ
(*ký tên, đóng dấu*)

Mẫu số 07. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn thực hiện đầu tư đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSDGDT

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ
(6 tháng/năm)

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
4. Mục tiêu của dự án:
5. Qui mô, công suất:
6. Nội dung đầu tư chính/các hạng mục đầu tư chính:
7. Địa điểm dự án:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Hình thức quản lý dự án:
10. Các mốc thời gian về dự án:
 - Số, ngày phê duyệt quyết định đầu tư:
 - Thời gian thực hiện dự án:
 - + Thời gian bắt đầu:
 - + Thời gian kết thúc:
11. Tổng mức đầu tư:
12. Nguồn vốn đầu tư:

(Thông tin về dự án chỉ báo cáo 01 lần tại kỳ báo cáo đầu tiên sau khi quyết định đầu tư dự án hoặc sau khi điều chỉnh dự án có các nội dung điều chỉnh liên quan đến những thông tin về dự án nêu trên)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tình hình thực hiện dự án:

1.1. Tiến độ thực hiện dự án: *(Công tác lập TKKT, công tác GPMB và tái định cư, công tác đấu thầu, công tác thực hiện hợp đồng ...)*.

1.2. Giá trị khối lượng thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng:

1.3. Tình hình quản lý vốn và tổng hợp kết quả giải ngân:

1.4. Chất lượng công việc đạt được: *(Mô tả chất lượng công việc đã đạt được tương ứng với các giá trị khối lượng công việc trong từng giai đoạn đã được nghiệm thu, thanh toán)*.

1.5. Các chi phí khác liên quan đến dự án:

1.6. Các biến động liên quan đến quá trình thực hiện dự án:

2. Công tác quản lý dự án:

2.1. Kế hoạch triển khai thực hiện: *(Nêu kế hoạch tổng thể từng giai đoạn công tác quản lý dự án để đạt được tiến độ yêu cầu)*

2.2. Kế hoạch chi tiết các nội dung quản lý thực hiện dự án: *(Mô tả kế hoạch chi tiết của từng giai đoạn đối với thành phần công việc liên quan đến giai đoạn quản lý thực hiện dự án)*

2.3. Kết quả đạt được so với kế hoạch đề ra và điều chỉnh kế hoạch thực hiện cho phù hợp với yêu cầu:

2.4. Công tác đảm bảo chất lượng và hiệu lực quản lý dự án:

3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin:

3.1. Việc đảm bảo thông tin báo cáo: *(Tính chính xác, trung thực của thông tin báo cáo)*

3.2. Xử lý thông tin báo cáo: *(Việc xử lý các thông tin báo cáo kịp thời kể từ khi nhận được báo cáo để phản hồi kịp thời, tránh gây hậu quả bất lợi cho dự án)*.

3.3. Kết quả giải quyết các vướng mắc, phát sinh: *(Nêu các kết quả đạt được thông qua quá trình đã xử lý các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án)*.

III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tình hình thực hiện dự án:

2. Công tác quản lý dự án:

3. Tình hình xử lý, phản hồi thông tin:

IV. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)/.

(Kèm theo phụ biểu 07)

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08. Báo cáo giám sát, đánh giá khi điều chỉnh dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐGĐT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại phần I của mẫu số 02.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Báo cáo chi tiết về toàn bộ quá trình thực hiện dự án đến thời điểm xin điều chỉnh dự án (về khối lượng, giá trị thực hiện, giải ngân từng hạng mục đầu tư...).

III. NỘI DUNG VÀ LÝ DO ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN

- Nêu rõ các nội dung chính của việc điều chỉnh dự án, các thành phần của dự án được điều chỉnh

- Nêu rõ các lý do, nguyên nhân và trách nhiệm của các bên liên quan dẫn đến phải điều chỉnh dự án (trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án).

IV. ĐÁNH GIÁ LẠI HIỆU QUẢ DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH

V. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 09. Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc đầu tư đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐGDĐT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC ĐẦU TƯ

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại phần 1 của mẫu số 02.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Tổng kết toàn bộ quá trình thực hiện dự án: *Mô tả tóm tắt quá trình thực hiện dự án từ giai đoạn chuẩn bị thực hiện đầu tư đến kết thúc đầu tư.*
2. Tổng hợp các kết quả thực hiện đạt được của dự án:
 - 2.1. Kết quả thực hiện các nội dung đã được phê duyệt: *Nêu rõ kết quả và mức độ đạt được các nội dung đã được phê duyệt: mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, tiến độ thực hiện, chất lượng,....*
 - 2.2. Kết quả thực hiện về vốn đầu tư: *So sánh giữa tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư với tổng giá trị thực hiện và giải ngân thực tế; các điều chỉnh chủ yếu về tổng mức đầu tư của dự án (nếu có); các yếu tố ảnh hưởng.*
 - 2.3. Những yếu tố tác động đến kết quả thực hiện dự án
 - 2.4. Nêu sơ bộ về hiệu quả kinh tế xã hội so với mục tiêu của dự án
 - 2.5. Tác động và tính bền vững của dự án: *Nêu những nhân tố tác động, đảm bảo sự bền vững và phát huy hiệu quả của dự án.*
3. Bài học rút ra từ thực tiễn tổ chức thực hiện dự án và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

III. KIẾN NGHỊ

Nêu các kiến nghị để phát huy tính hiệu quả, sự bền vững hoặc khắc phục các hạn chế của dự án.

CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 10. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn khai thác, vận hành đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐGDĐT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TRONG GIAI ĐOẠN KHAI THÁC, VẬN HÀNH

(6 tháng/năm....)

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại phần I của mẫu số 02 và chỉ báo cáo một lần tại kỳ báo cáo đầu tiên sau khi dự án được đưa vào vận hành.

II. TÌNH HÌNH KHAI THÁC VẬN HÀNH DỰ ÁN

1. Thực trạng kinh tế - kỹ thuật, vận hành của dự án *(nêu rõ thực trạng kinh tế - kỹ thuật, vận hành của dự án và so sánh với các chỉ tiêu được phê duyệt trong giai đoạn thực hiện đầu tư)*.
2. Tính bền vững; những tồn tại, khó khăn, vướng mắc của dự án *(nếu có)*.
3. Tình hình sản xuất, kinh doanh *(Đối với dự án đầu tư nhằm mục đích kinh doanh)*:
 - Tình hình sử dụng lao động *(số lượng, cơ cấu trình độ)* đến thời điểm báo cáo.
 - Tình hình thực hiện nghĩa vụ với người lao động *(lương, bảo hiểm, trợ cấp, phúc lợi xã hội...)*.
 - Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách *(số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo, số còn phải nộp, nêu rõ nguyên nhân chưa nộp)*.
 - Tình hình lợi nhuận *(số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo)*.

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có).

CHỦ SỬ DỤNG/CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 11. Báo cáo tổng hợp công tác giám sát, đánh giá các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công thuộc phạm vi quản lý trong năm

**TÊN CHỦ CHƯƠNG
TRÌNH, CHỦ ĐẦU TƯ
DỰ ÁN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐGDĐT

..... ngày tháng..... năm

BÁO CÁO TỔNG HỢP CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ TRONG NĂM

Kính gửi:

I. THÔNG TIN CHUNG

Nêu rõ số lượng dự án thuộc phạm vi quản lý trong năm, trong đó ghi rõ số liệu cụ thể của từng nhóm dự án (*quan trọng quốc gia; nhóm A, B, C*).

II. TỔNG HỢP CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Diễn giải cụ thể 11 nội dung tại mục II Phụ biểu số 03, bao gồm:

- Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ;
- Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trong kỳ;
- Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ (*do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện*);
- Số dự án đã thực hiện đánh giá trong kỳ;
- Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ;
- Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ (*theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành*);
- Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ (*sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán*);
- Số dự án chậm tiến độ trong kỳ
- Số dự án phải điều chỉnh trong kỳ
- Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau
- Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ

2. Đánh giá công tác giám sát, đánh giá các chương trình, dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý trong năm (những mặt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân).

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn./.

**CHỦ CHƯƠNG TRÌNH,
CHỦ ĐẦU TƯ**
(*ký tên, đóng dấu*)

Mẫu số 12. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn thực hiện đầu tư đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSDGDĐT

..... ngày tháng.... năm

**BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ
(6 tháng/năm)**

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhà đầu tư:
3. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền:
4. Tổ chức tư vấn lập dự án:
5. Mục tiêu, quy mô của dự án:
6. Nội dung đầu tư chính/các hạng mục đầu tư chính:
7. Địa điểm dự án:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Hình thức hợp đồng:
10. Các mốc thời gian về dự án:
 - Thời gian thực hiện dự án:
 - + Thời gian bắt đầu:
 - + Thời gian kết thúc đầu tư đưa công trình vào vận hành khai thác:
 - Dự kiến thời gian chuyển giao:
11. Quyết định đầu tư: số, ngày, tên cơ quan phê duyệt.
12. Tổng mức đầu tư
13. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư trong đó:
 - Vốn tham gia của Nhà nước;
 - Tổng vốn đầu tư (vốn chủ sở hữu, vốn vay);
14. Phương án tài chính:
15. Thông tin về doanh nghiệp dự án:
 - Tên doanh nghiệp:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (số, ngày cấp, tên cơ quan cấp):
 - Vốn điều lệ:
 - Người đại diện theo pháp luật:

(Nội dung này chỉ báo cáo một lần tại kỳ báo cáo đầu tiên sau khi dự án được khởi công hoặc sau khi có quyết định điều chỉnh dự án, điều chỉnh hợp đồng, làm thay đổi các thông tin về dự án)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tiến độ thực hiện dự án *(nêu kết quả thực hiện các công việc chính của dự án; ước khối lượng thực hiện trong kỳ, lũy kế từ đầu năm, từ đầu dự án và so sánh với kế hoạch).*

2. Tình hình huy động vốn cho dự án (nêu kết quả huy động vốn để thực hiện dự án trong kỳ theo các nguồn vốn (vốn chủ sở hữu; vốn vay; huy động hợp pháp khác và vốn đầu tư của Nhà nước tham giữ thực hiện dự án); lý kế từ đầu năm và từ đầu dự án; so sánh với kế hoạch).
3. Tình hình giải ngân (nêu tình hình giải ngân vốn đầu tư trong kỳ); lý kế giá trị giải ngân từ đầu năm và từ đầu dự án theo các nguồn vốn; so sánh với kế hoạch).
4. Công tác thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản.
5. Tình hình thực hiện các nội dung tại hợp đồng dự án.
6. Khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có)

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý, những khó khăn của dự án./.

NHÀ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 13. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn khai thác, vận hành đối với các dự án đầu tư theo hình thức hợp tác công tư

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSDGDĐT

..... ngày tháng.... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TRONG GIAI ĐOẠN KHAI THÁC, VẬN HÀNH

Tên dự án:.....

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại phần I của mẫu số 12 và chỉ báo cáo một lần tại kỳ báo cáo đầu tiên sau khi dự án được đưa vào khai thác, vận hành.

II. TÌNH HÌNH KHAI THÁC VẬN HÀNH DỰ ÁN

1. Thực trạng kinh tế - kỹ thuật, vận hành của dự án (*nêu rõ thực trạng kinh tế - kỹ thuật, vận hành của dự án và so sánh với các chỉ tiêu được phê duyệt trong giai đoạn thực hiện đầu tư*).
2. Tình hình kinh doanh của doanh nghiệp dự án:
 - Tình hình sử dụng lao động (*số lượng, cơ cấu trình độ*) đến thời điểm báo cáo.
 - Tình hình thực hiện nghĩa vụ với người lao động (*lương, bảo hiểm, trợ cấp, phúc lợi xã hội...*).
 - Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách (*số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo, số còn phải nộp, nêu rõ nguyên nhân chưa nộp*).
 - Doanh thu hàng năm, doanh thu lũy kế đến thời điểm báo cáo, tình hình trả nợ vốn chủ sở hữu, vốn vay,... so sánh với phương án tài chính trong Hợp đồng đã ký.
 - Tình hình lợi nhuận (*số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo*).
 - Sơ bộ tình hình tài chính doanh nghiệp (*nợ ngắn hạn, nợ dài hạn,..., phân tích, đánh giá so với kỳ báo cáo trước liền kề*).
3. Những tồn tại, khó khăn, vướng mắc của dự án (nếu có)

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có).

NHÀ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 14. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn thực hiện đầu tư đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐGDĐT

..... ngày tháng.... năm

**BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ
(6 tháng/năm....)**

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. Nhà đầu tư

a) Nhà đầu tư thứ nhất:

- Tên nhà đầu tư:
- Địa chỉ trụ sở giao dịch chính, số điện thoại, địa chỉ email...:
- Số vốn góp, tỷ lệ vốn góp:

b) Nhà đầu tư tiếp theo:

- Tên nhà đầu tư:
- Địa chỉ trụ sở giao dịch chính, số điện thoại, địa chỉ email...:
- Số vốn góp, tỷ lệ vốn góp:

2. Tổ chức kinh tế (doanh nghiệp dự án):

- Tên doanh nghiệp:
- Các thông tin để giao dịch (*địa chỉ doanh nghiệp, số điện thoại, địa chỉ email...*):
- Đăng ký kinh doanh (*số, ngày, nơi cấp*):
- Thông tin về người đại diện theo pháp luật:
- Vốn điều lệ:
- Vốn pháp định (nếu có):

3. Dự án đầu tư:

- Tên dự án:
- Địa điểm thực hiện:
- Văn bản quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):
- Diện tích đất sử dụng:
- Mục tiêu, quy mô:
- Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn:
- Thời hạn hoạt động, tiến độ thực hiện của dự án:
- Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có):
- Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có):

(Nội dung này chỉ báo cáo một lần vào kỳ đầu tiên sau khi dự án được khởi công hoặc sau khi dự án được điều chỉnh làm thay đổi các thông tin về dự án).

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu của dự án:

- Tiến độ chuẩn bị dự án:
- Tiến độ giải phóng mặt bằng (nếu có):
- Tiến độ xây dựng cơ bản (nếu có):
- Tiến độ mua máy móc thiết bị, lắp đặt, vận hành chạy thử (nếu có):
- Tiến độ thực hiện các hạng mục, phân kỳ đầu tư (nếu có):
- Tiến độ hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ:
- Tiến độ thực hiện các mục tiêu đầu tư:

2. Tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ, vốn pháp định (nếu có):

a) Tiến độ góp vốn:

STT	Loại vốn	Số vốn góp trong kỳ	Số vốn góp lũy kế đến thời điểm báo cáo
1	Vốn đầu tư		
2	Vốn điều lệ		
3	Vốn pháp định		

b) Nguồn vốn:

STT	Nguồn vốn	Số vốn góp trong kỳ	Số vốn góp lũy kế đến thời điểm báo cáo
1	Vốn chủ sở hữu		
2	Vốn vay các tổ chức tín dụng		
3	Mua máy móc, thiết bị, nguyên liệu trả chậm		
4	Nguồn vốn huy động khác		
	Cộng		

3. Việc thực hiện các quy định về các vấn đề liên quan:

- Về việc sử dụng đất và các nguồn tài nguyên khác:
- Về các yêu cầu bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ:
- Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện:
- Việc đáp ứng các quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

4. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có)

5. Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện dự án (nếu có).

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)/.

NHÀ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 15. Báo cáo giám sát, đánh giá khi điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐGDĐT

..... ngày tháng.... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi các nội dung như quy định tại phần I của mẫu số 14.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Báo cáo chi tiết về toàn bộ quá trình thực hiện dự án đến thời điểm xin điều chỉnh dự án (về khối lượng, giá trị thực hiện, giải ngân từng hạng mục đầu tư...).

III. NỘI DUNG VÀ LÝ DO ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN

- Nêu rõ các nội dung chính của việc điều chỉnh dự án, các thành phần của dự án được điều chỉnh

- Nêu rõ các lý do, nguyên nhân và trách nhiệm của các bên liên quan dẫn đến phải điều chỉnh dự án (trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án).

IV. ĐÁNH GIÁ LẠI HIỆU QUẢ DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH

V. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

NHÀ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 16. Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi khai thác, vận hành (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCGSĐGD'T

..... ngày tháng.... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC ĐẦU TƯ

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN DỰ ÁN

Ghi các nội dung quy định tại phần I của mẫu số 12.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu (đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ban đầu; nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án dẫn đến không đạt mục tiêu như kế hoạch ban đầu, trừ mục tiêu kinh doanh):

- Những mục tiêu về xây dựng dự án, tạo lập dự án, doanh nghiệp;
- Những mục tiêu về quy mô;
- Những mục tiêu khác.

2. Đánh giá kết quả huy động các nguồn lực (đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ban đầu; nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án dẫn đến không đạt mục tiêu như kế hoạch ban đầu):

- Nguồn lực tài chính (vốn chủ sở hữu, vốn vay và huy động khác, mua, thuê máy móc thiết bị trả chậm);
- Nguồn nguyên liệu;
- Đất và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác;
- Nguồn lực lao động, chất xám, công nghệ;
- Các nguồn lực về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, như: điện, nước, giao thông...
- Các nguồn lực khác.

3. Đánh giá tiến độ thực hiện (đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ban đầu; nêu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án dẫn đến không đạt mục tiêu như kế hoạch ban đầu. Đặc biệt những vướng mắc về chế độ, chính sách, thủ tục hành chính...; sự phối hợp giữa nhà đầu tư và các cơ quan quản lý, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước.):

- Tiến độ chuẩn bị dự án;
- Tiến độ giải phóng mặt bằng;
- Tiến độ xây dựng;
- Tiến độ mua máy móc thiết bị, lắp đặt, vận hành chạy thử;
- Tiến độ huy động vốn.

4. Đánh giá về lợi ích của dự án (nêu những lợi ích do dự án mang lại trong quá trình thực hiện, dự tính những lợi ích dự án sẽ mang lại trong quá trình hoạt động kinh doanh).

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)./.

NHÀ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 17. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ trong giai đoạn khai thác, vận hành đối với dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BCGSĐGDĐT ngày tháng.... năm

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TRONG GIAI ĐOẠN KHAI THÁC, VẬN HÀNH
(6 tháng/năm...)

Tên dự án:

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

Ghi nội dung quy định tại phần I mẫu số 14 và chỉ báo cáo một lần tại kỳ báo cáo đầu tiên sau khi dự án được đưa vào khai thác, vận hành.

II. TÌNH HÌNH KHAI THÁC VẬN HÀNH DỰ ÁN

1. Tình hình sản xuất, kinh doanh:

- Tình hình sử dụng lao động (*số lượng, cơ cấu trình độ*) đến thời điểm báo cáo.
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với người lao động (*luong, bảo hiểm, trợ cấp, phúc lợi xã hội...*).
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách (*số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo, số còn phải nộp, nêu rõ nguyên nhân chưa nộp*).
- Tình hình lợi nhuận (*số thực hiện trong kỳ báo cáo, số lũy kế đến thời điểm báo cáo*).
- Sơ bộ tình hình tài chính doanh nghiệp (*nợ ngắn hạn, nợ dài hạn,..., phân tích, đánh giá so với kỳ báo cáo trước liền kề*).

2. Việc thực hiện các quy định về các vấn đề liên quan:

- Về việc sử dụng đất và các nguồn tài nguyên khác:
- Về các yêu cầu bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ:
- Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện:
- Việc đáp ứng các quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

3. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có)

4. Những tồn tại, khó khăn, vướng mắc của dự án (nếu có)

III. KIẾN NGHỊ

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án (nếu có)/.

NHÀ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 18. BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

Tên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xã/huyện/tỉnh.

(Quý .../năm....)

Kính gửi:.....

Số TT	Tên dự án	Kiểm tra sự phù hợp Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội; quy hoạch liên quan khác; kế hoạch sử dụng đất và kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã	Theo dõi, kiểm tra chủ đầu tư chấp hành các quy định về chi giới đất; sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết; phương án kiến trúc, xây dựng; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư; tiến độ, kế hoạch đầu tư	Phát hiện việc làm xâm hại đến lợi ích cộng đồng; tác động tiêu cực của dự án đến môi trường	Phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản của dự án	Kiểm tra sự công khai minh bạch trong quá trình đầu tư dự án	Theo dõi kiểm tra nhà thầu tuân thủ các quy trình, quy phạm, định mức vật tư, loại vật tư theo quy định	Theo dõi kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình
(A)	(B)	(C)	(D)	(Đ)	(E)	(G)	(H)	(I)
I	Dự án sử dụng vốn và công sức cộng đồng, vốn ngân sách cấp xã, vốn tài trợ trực tiếp cho xã							
1	...							
2								
II	Dự án theo hình thức đối tác công tư, các dự án sử dụng vốn nhà nước (trừ các dự án ở Mục I)							
III	Dự án sử dụng vốn khác							

Ban giám sát cộng đồng xã....

Ghi chú:

- Đối với các dự án ở Mục I cần giám sát tất cả các nội dung;
- Đối với các dự án ở Mục II cần giám sát các nội dung: (C), (D), (Đ), (E), (G).
- Đối với các dự án ở Mục III cần giám sát các nội dung: (C), (D), (Đ), (G).

DANH SÁCH TỔ BIÊN TẬP

Thông tư quy định về biểu mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư, chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước

TT	Họ và tên	Chức vụ	Cơ quan, đơn vị công tác	Chức vụ trong Tổ biên tập
I	Tổ trưởng, Tổ phó Tổ biên tập			
1	Ông Tăng Ngọc Tráng	Vụ trưởng	Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Tổ trưởng
2	Ông Nguyễn Đức Long	Phó Vụ trưởng	Vụ Giám sát và thẩm định đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Tổ phó
3	Bà Nguyễn Thị Thuận	Phó Giám đốc	Trung tâm Tin học, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Tổ phó
II	Đại diện các đơn vị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
1	Ông Đỗ Ngọc Long	Phó Vụ trưởng	Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư	Thành viên
2	Ông Trần Việt Dũng	Phó Vụ trưởng	Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư	Thành viên
3	Ông Phạm Quang Huy	Trưởng phòng	Phòng Giám sát nghiệp vụ đăng ký kinh doanh, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	Thành viên
4	Ông Chu Tuấn Long	Phó Trưởng phòng	Phòng Thanh tra 1, Thanh tra Bộ	Thành viên
5	Bà Dương Kiều Anh	Phó Trưởng phòng	Phòng Chính sách, Tổng hợp và Chuyển đổi số, Trung tâm tin học	Thành viên
6	Ông Đỗ Xuân Nam	Chuyên viên cao cấp	Vụ Giám sát và thẩm định đầu tư	Thành viên
7	Ông Nguyễn Quang Trung	Chuyên viên chính	Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư	Thành viên
8	Ông Hoàng Anh Phú	Chuyên viên chính	Vụ Kinh tế dịch vụ	Thành viên
9	Ông Cao Thanh Phú	Chuyên viên chính	Phòng Tổng hợp, hợp tác với các tổ chức quốc tế và phi Chính phủ nước ngoài, Vụ Kinh tế đối ngoại	Thành viên
10	Ông Nguyễn Hồng Long	Chuyên viên chính	Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường	Thành viên
11	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chuyên viên chính	Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư	Thành viên
12	Ông Đặng Xuân Hưng	Chuyên viên chính	Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư	Thành viên
13	Bà Đoàn Thị Luyến	Chuyên viên chính	Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư	Thành viên
14	Bà Lê Thị Bích Thủy	Chuyên viên	Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư	Thành viên

TT	Họ và tên	Chức vụ	Cơ quan, đơn vị công tác	Chức vụ trong Tổ biên tập
		chính		
15	Ông Trần Bình Tùng	Chuyên viên	Vụ Kế hoạch tài chính, Tổng cục Thống kê	Thành viên
16	Ông Đoàn Thanh Thảo	Chuyên viên	Phòng Đổi mới doanh nghiệp nhà nước, Cục Phát triển doanh nghiệp	Thành viên
17	Ông Bùi Đặng Thảo	Chuyên viên	Phòng Tổng hợp, Cục Phát triển hợp tác xã	Thành viên
18	Ông Vũ Tiến Đạt	Chuyên viên	Phòng Đấu thầu, Cục Quản lý đấu thầu	Thành viên
19	Bà Phạm Thị Hải An,	Chuyên viên	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ	Thành viên
20	Ông Nguyễn Đức Quang	Chuyên viên	Vụ Pháp chế	Thành viên
21	Ông Trần Tuấn Minh	Chuyên viên	Vụ Kinh tế Công nghiệp	Thành viên
22	Ông Đặng Lê Hoàng	Chuyên viên	Vụ Kết cấu hạ tầng và đô thị	Thành viên
23	Ông Ưông Đình Hoàng	Chuyên viên	Vụ Kinh tế nông nghiệp	Thành viên
24	Ông Vũ Hoàng Anh	Chuyên viên	Phòng Chính sách đầu tư địa phương, Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ	Thành viên
25	Ông Nguyễn Duy Quý	Chuyên viên	Vụ Quản lý khu kinh tế	Thành viên
26	Bà Nguyễn Thị Hoàng Hải	Chuyên viên	Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư	
27	Ông Tạ Ngọc Thắng	Chuyên viên	Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư	Thành viên
28	Bà Nguyễn Hoàng Vân,	Chuyên viên	Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư	Thành viên, Thư ký
29	Ông Trần Duy Thành	Chuyên viên	Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư	Thành viên
30	Ông Bùi Thái Phú	Chuyên viên	Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư	Thành viên
31	Ông Trịnh Minh Hiếu	Chuyên viên	Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư	Thành viên
32	Ông Dương Quốc Chính	Chuyên viên	Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư	Thành viên
33	Đại diện Cục Đầu tư nước ngoài			Thành viên
34	Đại diện Vụ Tài chính, tiền tệ			Thành viên
35	Đại diện Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân			Thành viên
36	Đại diện Vụ Lao động, văn hóa, xã hội.			Thành viên